BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01 THÁNG 5 NĂM 2006 ĐẾN
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2006	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006	14 - 26

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004628 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ 140.000.000.000 đồng

Chi tiết vốn điều lệ tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO)	7.140.000	51,00%
- Công ty Rederiet Fabricius A/S	3.090.635	22,08%
- Các cổ đông khác	3.003.355	21,45%
- Cổ phần chưa bán	766.010	5,47%
Cộng	**14.000.000**	**100%**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8296316 - 8296320
Fax : 8225267
Mã số thuế : 03000424088

Các chi nhánh trực thuộc:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Số 57 Đinh Tiên Hoàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 187 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu
Chi nhánh Cần Thơ	Số 512/35 Cách mạng tháng 8, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 2A Cao Xuân Dục, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 45 Tôn Đức Thắng, TP. Quy Nhơn

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế
- Dịch vụ cung ứng tàu biển
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển
- Đại lý vận tải hàng không.
- Cho thuê văn phòng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Việt Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Việt	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thế Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thuấn	Ủy viên
Ông Nghiêm Xuân Tấn	Ủy viên
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Ủy viên
Ông Kaare Vagner (Quốc tịch: Vương quốc Đan Mạch)	Ủy viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lương Dân Ích	Trưởng ban
Ông Văn Ngọc Trường Sơn	Ủy viên
Ông Bùi Việt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Việt Triều	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Việt	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đỗ Việt Triều- Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2007

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.auditconsult.com.vn

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 0349/2007/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01 THÁNG 5 NĂM 2006 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là Công ty) gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2007, từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Số liệu kế toán bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải biển Sài Gòn sang cho Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn chưa có phê duyệt chính thức của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn.

- Công ty chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm đối với số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ của khoản Doanh thu cho thuê kho nhận trước từ năm 2003 của Công ty TNHH Mearsk Việt Nam, số tiền ước tính là 622.956.556 đồng. Việc chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá này làm chi phí tài chính của Công ty giảm một khoản tương ứng và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không được thể hiện chính xác.

- Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Sài Gòn, khoản tổn thất ước tính khoảng 16.769.375.537 đồng. Việc chưa trích lập dự phòng này làm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không được thể hiện chính xác.

- Công ty chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính số thuế còn lại chưa nộp trong tổng số thuế phải nộp hộ cho Maersk Sealand và Maersk Logistics trong thời gian Công ty làm đại lý, bao gồm thuế cước vận tải quốc tế số tiền 31.418.787.575 đồng và thuế nhà thầu số tiền 12.825.575.158 đồng bị truy thu theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2003, năm 2004 và năm 2005. Đối với khoản thuế này, hiện Công ty đang tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ để xin miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của Nhà nước Việt Nam và Đan Mạch theo chức năng đại lý cho Maersk Sealand và Maersk Logistics. Đồng thời Maersk Sealand và Maersk Logistics cũng có văn bản cam kết sẽ chịu trách nhiệm trả các khoản thuế này trong trường hợp hồ sơ xin miễn giảm thuế không được chấp nhận.

- Công ty ghi nhận vào thu nhập trong kỳ khoản thu do việc chuyển nhượng quyền khai thác tuyến tàu container tại Việt Nam của Công ty liên doanh APM - Saigon shipping và Công ty MCC Transport Singapore mà Công ty đã thu tiền trong tháng 12/2005 và thu nhập do nhượng bán Tàu Bến Thành đã hoàn tất các thủ tục nhượng bán, phát hành hóa đơn trong tháng 3/2006 *(Thuyết minh số VI.6)*.Công ty ghi nhận thu nhập này trong báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 do giá trị góp vốn vào Công ty liên doanh APM - Saigon shipping và giá trị Tàu Bến Thành đã được xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thủ tục bán đấu giá cổ phần đã thực hiện ngày 11 tháng 10 năm 2005.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ các ảnh hưởng từ hạn chế đã nêu trên đối với Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, các chỉ tiêu còn lại của Báo cáo tài chính đề cập đã phản ảnh hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

S.Đ.K.K.D: 4102047448-C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN QUẬN 1 TP HỒ CHÍ MINH

Lê Minh Tài - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0084/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**45.835.090.011**	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**31.017.952.079**	-
1. Tiền	111		3.916.952.079	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.101.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**4.850.300.000**	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.850.300.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**7.204.302.326**	-
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	3.139.143.362	-
2. Trả trước cho người bán	132		609.611.683	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	3.455.547.281	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.605.582.253**	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.605.582.253	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.156.953.353**	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202.631.891	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.011.208	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.782.102	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	926.528.152	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**228.254.412.120**	-
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.522.221.688**	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.7	1.522.221.688	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**210**		**147.888.082.456**	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	125.226.550.218	-
	Nguyên giá	*222*		*138.673.279.360*	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(13.446.729.142)*	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51.745.478	-
	Nguyên giá	*228*		*73.922.108*	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(22.176.630)*	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	22.609.786.760	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	V.11	**33.965.371.067**	-
	Nguyên giá	241		43.499.971.270	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(9.534.600.203)	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**44.878.736.909**	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	44.878.736.909	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**274.089.502.131**	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**120.178.277.146**	-
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**45.424.195.021**	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	9.120.000.000	-
2.	Phải trả người bán	312	V.14	1.783.016.121	-
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.15	17.261.383.626	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	493.127.216	-
5.	Phải trả người lao động	315	V.17	3.322.378.020	-
6.	Chi phí phải trả	316		737.306.516	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.706.983.522	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**320**		**74.754.082.125**	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	74.645.570.000	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		108.512.125	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**153.911.224.985**	-
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**152.285.846.402**	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	132.339.900.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	11.436.551.000	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.20	13.684.724	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	8.495.710.678	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**1.625.378.583**	-
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.625.378.583	-
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**274.089.502.131**	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Đô la Mỹ (USD)		55.423,73	-
	Đô la Singapore (SGD)		1.000,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2007

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG	**ĐỖ VIỆT TRIỀU**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	38.736.842.228	-
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	03		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		38.736.842.228	-
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	29.337.569.522	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		9.399.272.706	-
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	3.903.053.335	-
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	1.896.811.696	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.751.651.697	-
8.	**Chi phí bán hàng**	24		-	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	VI.5	3.707.717.645	-
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		7.697.796.700	-
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.6	15.474.975.763	-
12.	**Chi phí khác**	32	VI.7	14.677.061.785	-
13.	**Lợi nhuận khác**	40		797.913.978	-
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		8.495.710.678	-
15.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51		-	-
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		8.495.710.678	-
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.8	721	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2007

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG	**ĐỖ VIỆT TRIỀU**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***8.495.710.678***	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.694.250.781	-
- Các khoản dự phòng	03		(229.120.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(201.303.465)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.746.306.713)	-
- Chi phí lãi vay	06		1.751.651.697	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***16.764.882.978***	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.954.613.449	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		296.915.491	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38.911.504.953)	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		807.235.626	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.751.651.697)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(603.016.676)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***3.557.474.218***	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.783.450.482)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	7.500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.830.300.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	***30***		***(34.113.750.482)***	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	34.776.451.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	10.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(6.080.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***38.696.451.000***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**8.140.174.736**	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm		V.1	-	-
Tiền và tương đương tiền chuyển từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn sang	**60**		**22.676.473.878**	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		201.303.465	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	V.1	**31.017.952.079**	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2007

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG	**ĐỖ VIỆT TRIỀU**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước; Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt; Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước; Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển; Đại lý vận tải hàng không; Cho thuê văn phòng.

4. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Công ty chuyển hình thức sở hữu từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 5 năm 2006.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng niên độ đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 164/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau: Miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo.

Năm 2006 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2006 : 16.101 VND/USD

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	354.009.811	-
Tiền gửi ngân hàng	3.562.942.268	-
Các khoản tương đương tiền	27.101.000.000	-
Cộng	**31.017.952.079**	**-**

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trái	20.000.000	-
Tiền gửi Ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	4.830.300.000	-
Cộng	**4.850.300.000**	**-**

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn	1.604.227.819	-
Công ty Inlaco Japan	216.716.474	-
Công ty TNHH Bảo Anh	216.675.000	-
Công ty CP Cẩm Hà	199.210.000	-
Tổng Công ty SAMCO	183.133.600	-
Các khách hàng khác	719.180.469	-
Cộng	**3.139.143.362**	**-**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	602.350.000	-
Phải thu Công ty Bảo hiểm AAA (tiền bồi thường tổn thất tàu Duyên Hải gặp thiên tai)	2.692.852.853	-
Các khoản phải thu khác	160.344.428	-
Cộng	**3.455.547.281**	**-**

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	5.010	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.555.657.792	-
Công cụ, dụng cụ	49.919.451	-
Cộng	**1.605.582.253**	**-**

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	922.528.152	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000	-
Cộng	**926.528.152**	**-**

7. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	500.000.000	-
Ký quỹ vận tải đa phương tiện	542.031.742	-
Ký quỹ của thuyền viên	476.189.946	-
Các khoản ký quỹ khác	4.000.000	-
Cộng	**1.522.221.688**	**-**

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Kết chuyển từ Công ty Vận tải Biển Sài Gòn	34.787.925.273	1.937.349.498	21.165.610.000	596.795.309	58.487.680.080
Mua trong năm	-	45.000.000	-	108.997.860	153.997.860
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	-	116.729.138.765	-	116.729.138.765
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(30.090.246.302)	-	-	-	(30.090.246.302)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.607.291.043)	-	(6.607.291.043)
Số cuối năm	**4.697.678.971**	**1.982.349.498**	**131.287.457.722**	**705.793.169**	**138.673.279.360**
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Kết chuyển từ Công ty Vận tải Biển Sài Gòn	6.427.098.146	490.626.039	5.987.882.716	372.378.631	13.277.985.532
Khấu hao trong năm	1.428.822.656	131.406.624	6.434.679.392	63.331.701	8.058.240.373
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(7.003.733.346)	-	-	-	(7.003.733.346)
Giảm khác	-	-	-	(32.165.661)	(32.165.661)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(853.597.756)		(853.597.756)
Số cuối năm	**852.187.456**	**622.032.663**	**11.568.964.352**	**403.544.671**	**13.446.729.142**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**3.845.491.515**	**1.360.316.835**	**119.718.493.370**	**302.248.498**	**125.226.550.218**

(*) Trong đó: Tàu Sài Gòn Queen có nguyên giá là 116.729.138.765 VND và giá trị còn lại là 111.279.622.613 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 203.752.960 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua đất và xây dựng văn phòng (Chi nhánh Đà Nẵng)	1.121.296.154	-
Công trình mở rộng Trung tâm kho vận, đền bù 3,2ha đất	16.760.943.162	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Duyên Hải	2.834.337.444	-
Mua sắm tài sản cố định phục vụ khai thác vận tải bộ (Chi nhánh Đà Nẵng)	1.893.210.000	-
Cộng	**22.609.786.760**	**-**

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất cho thuê	Nhà cửa, vật kiến trúc cho thuê	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển sang từ Tài sản cố định	13.409.724.968	30.090.246.302	43.499.971.270
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	**13.409.724.968**	**30.090.246.302**	**43.499.971.270**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển sang từ Hao mòn TSCĐ	2.530.866.857	7.003.733.346	9.534.600.203
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**2.530.866.857**	**7.003.733.346**	**9.534.600.203**
Giá trị còn lại			-
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	**10.878.858.111**	**23.086.512.956**	**33.965.371.067**

12. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ quyền sở hữu	Số tiền
Công ty LD APM- Saigon shipping Company Ltd.	25%	18.602.964.000
Công ty TNHH Vận tải Container Korex Sài Gòn	33,75%	7.291.838.140
Công ty LD Vận tải thủy Sea Saigon	51%	18.983.934.769
Cộng		**44.878.736.909**

13. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến hạn trả trong năm 2007 *(Xem Thuyết minh số V.19)*.

14. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam	244.397.920	-
Cảng Đà Nẵng	214.212.578	-
Cảng vụ Đà Nẵng	204.807.563	-
Công ty CP Vận tải biển Đại Dương	195.519.258	-
Các nhà cung cấp khác	924.078.802	-
Cộng	**1.783.016.121**	**-**

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.410.263.397	-
Corporate Shipping Co.,Ltd	210.050.790	-
Công ty Thép Đà Nẵng	200.000.000	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam (Doanh thu cho thuê kho nhận trước)	15.095.218.340	-
Các khách hàng khác	345.851.099	-
Cộng	**17.261.383.626**	**-**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.875.567	1.076.581.772	889.771.029	190.686.310
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.443.653)	-	-	(7.443.653)
Thuế thu nhập cá nhân	116.741.541	402.270.052	221.366.187	297.645.406
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền thuê đất	686.541.667	252.820.334	939.362.001	-
Thuế cước nộp hộ	1.088.524.992	7.000.440	1.090.729.932	4.795.500
Các loại thuế khác	1.034.112	7.527.420	8.899.981	(338.449)
Cộng	**1.889.274.226**	**1.746.200.018**	**3.150.129.130**	**485.345.114**

Trong đó:

Thuế TNDN nộp thừa	(7.443.653)
Thuế khác nộp thừa	(338.449)
Các loại thuế khác phải nộp	493.127.216
Tổng cộng	**485.345.114**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ vận tải quốc tế: không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.
- Xuất khẩu thuyền viên: thuế suất 0%.
- Dịch vụ vận tải trong nước: thuế suất 5%.
- Các dịch vụ khác: thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh V.8

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Phải trả người lao động các khoản lương tháng 12, tháng 13, lương truy lĩnh và các khoản khác.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	29.905.004	-
Phải trả Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn SAMCO (Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa)	12.232.166.217	-
Nhận ký quỹ của thuyền viên	80.221.000	-
Các khoản khác	364.691.301	-
Cộng	**12.706.983.522**	**-**

19. Vay dài hạn

Kế thừa khoản vay dài hạn của Công ty Vận tải biển Sài Gòn tại Ngân hàng Phát triển – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 45/HĐ-TDĐP ngày 12/4/2004. Khoản vay này có thời hạn 10 năm, lãi suất 3%/năm, nợ gốc được trả trong 119 tháng bắt đầu từ tháng 4 năm 2006, mỗi tháng 760 triệu đồng.

Chi tiết như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay kết chuyển từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn	79.845.570.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	10.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(6.080.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(9.120.000.000)
Số cuối năm	**74.645.570.000**

20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Chuyển từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn	109.000.000.000	-	13.684.724	-
Tăng vốn năm nay	23.339.900.000	11.436.551.000	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	8.495.710.678
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**132.339.900.000**	**11.436.551.000**	**13.684.724**	**8.495.710.678**

(*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 140.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu chưa phát hành là 766.010 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khai thác tàu biển	24.220.574.822	-
Doanh thu dịch vụ hàng hải	4.212.343.139	-
Doanh thu dịch vụ vận tải bộ	3.170.883.339	-
Doanh thu dịch vụ kho vận	5.423.689.581	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	879.398.741	-
Doanh thu xuất khẩu thuyền viên	829.952.606	-
Cộng	**38.736.842.228**	**-**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.586.708.001	-
Chi phí vật liệu	4.729.736.627	-
Chi phí khấu hao	8.449.583.145	-
Thuế, phí, lệ phí	315.127.021	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.394.824.951	-
Chi phí bằng tiền khác	1.861.589.777	-
Cộng	**29.337.569.522**	**-**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi Ngân hàng	785.653.237	-
Thu cổ tức hoạt động đầu tư	2.786.148.020	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	331.252.078	-
Cộng	**3.903.053.335**	**-**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.751.651.697	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	145.159.999	-
Cộng	**1.896.811.696**	**-**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.688.350.088	-
Chi phí văn phòng phẩm, dụng cụ quản lý	233.382.186	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.629.932	-
Thuế, phí và lệ phí	324.998.874	-
Chi phí dự phòng	130.000.000	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	641.073.144	-
Chi phí khác	463.283.421	-
Cộng	**3.707.717.645**	**-**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhượng bán Tàu Bến Thành (*)	7.500.000.000	-
Thu nhập do chuyển nhượng quyền khai thác tuyến tàu container (**)	7.956.000.000	-
Thu nhập khác	18.975.763	-
Cộng	**15.474.975.763**	-

(*) Việc nhượng bán Tàu Bến Thành đã hoàn tất các thủ tục nhượng bán, phát hành hóa đơn trong tháng 3/2006.

(**) Thu nhập do việc chuyển nhượng quyền khai thác tuyến tàu container tại Việt Nam giữa Công ty liên doanh APM - Saigon shipping và Công ty MCC Transport Singapore, khoản thu nhập này đã thực thu tiền trong tháng 12/2005.

Công ty ghi nhận các khoản thu nhập này trong báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 do giá trị góp vốn vào Công ty liên doanh APM - Saigon shipping và giá trị Tàu Bến Thành đã được xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thủ tục bán đấu giá cổ phần đã thực hiện ngày 11 tháng 10 năm 2005.

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại Tàu Bến Thành nhượng bán (*)	5.753.693.287	-
Chi phí do xử lý công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước	8.315.676.408	-
Chi phí khác	607.692.090	-
Cộng	**14.677.061.785**	-

(*) Việc nhượng bán Tàu Bến Thành đã hoàn tất các thủ tục nhượng bán, phát hành hóa đơn trong tháng 3/2006.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.495.710.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.495.710.678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.775.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**721**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu kế toán nhận bàn giao tại ngày 01 tháng 5 năm 2006 từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn

Tiền	22.676.473.878
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000
Các khoản phải thu	132.343.987.463
Hàng tồn kho	1.902.497.744
Tài sản ngắn hạn khác	1.480.634.964
Cộng Tài sản ngắn hạn	**158.423.594.049**
Các khoản phải thu dài hạn	-
Tài sản cố định	62.593.811.448
Bất động sản đầu tư	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	44.878.736.909
Tài sản dài hạn khác	-
Cộng Tài sản dài hạn	**107.472.548.357**
Tổng cộng Tài sản	**265.896.142.406**
Nợ ngắn hạn	75.324.212.099
Nợ dài hạn	79.845.570.000
Cộng nợ phải trả	**155.169.782.099**
Nguồn vốn, quỹ	109.013.684.724
Nguồn kinh phí, quỹ khác	1.712.675.583
Cộng nguồn vốn	**110.726.360.307**
Tổng cộng nguồn vốn	**265.896.142.406**

2. Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Tên	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO)	Công ty mẹ
Công ty LD Vận tải thủy Sea Saigon	Công ty liên doanh
Công ty LD APM- Saigon shipping Company Ltd.	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải Container Korex Sài Gòn	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Nội dung giao dịch	VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO)	
Số phát sinh phải nộp Nhà nước về cổ phần hóa	12.232.166.217
Số phải thu từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn chuyển sang	122.078.700
Số phải thu do cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm	587.666.656
Số đã thu trong năm	(526.611.756)
Công ty LD Vận tải thủy Sea Saigon	
Số phải thu từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn chuyển sang	1.713.205.324
Số phải thu do cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm	344.211.263
Số đã thu trong năm	(453.188.768)
Công ty LD APM- Saigon shipping Company Ltd.	
Số phải trả từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn chuyển sang	(46.806.813)
Số phải thu do cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm	63.815.319
Số đã thu trong năm	(17.008.506)
Lãi liên doanh năm 2006 đã nhận	2.786.148.020
Công ty TNHH Vận tải Container Korex Sài Gòn	
Số phải thu từ Công ty Vận tải biển Sài Gòn chuyển sang	19.340.365
Số phải thu do cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm	580.603.071
Số đã thu trong năm	(596.289.019)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Nội dung	VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO)	183.133.600
Công ty LD Vận tải thủy Sea Saigon	1.604.227.819
Công ty TNHH Vận tải Container Korex Sài Gòn	3.654.417
Cộng nợ phải thu	**1.791.015.836**

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	16,72
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	83,28
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,85
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,15
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,28
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,79

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2007

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG	**ĐỖ VIỆT TRIỀU**
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**